TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Quang P, sinh ngày 30/4/1975, số định danh cá nhân 034075018589;

- Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/11/1984, số định danh cá nhân 034184018581;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang P và chị Nguyễn Thị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 11/01/2006 của UBND xã C, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đăk Lăk). Anh P, chị H thừa nhận thời gian đầu sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc, sau đó vì quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không còn tin tưởng nhau. Đến nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh chị, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, việc thuận tình ly hôn của anh chị là thực sự tự nguyện.

[2] Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, anh P, chị H có 03 (Ba) con chung là Trần Quang Phi H1, sinh ngày 08/11/2006 (Nam); Trần

Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/02/2009 (Nữ) và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/5/2012 (Nữ). Anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn và sự thỏa thuận của anh chị bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh P, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề này.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh P, chị H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang P và chị Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 11/01/2006 của UBND xã C, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (Nay là UBND xã E, tỉnh Đăk Lăk) hết hiệu lực kể từ ngày 18/5/2026.

1.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:

Đối với con Trần Quang Phi H1, sinh ngày 08/11/2006 (N1), hiện nay đã thành niên và tự lập nên không xem xét, giải quyết.

Đối với 02 (Hai) con là Trần Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/02/2009 (Nữ) và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/5/2012 (Nữ), giao cả hai con cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 18/5/2026 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Quang P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ việc này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quang P và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

1.5. Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quang P và chị Nguyễn Thị H mỗi người chịu một nửa lệ phí Tòa án là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004551 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh P, chị H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ea Ning, tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu: HSVA, VT-LT, CGQ.

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Võ Tiến Sỹ